

Số: 02/GPMT-UBND

Thị xã Duyên Hải, ngày 19 tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Chi nhánh liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Duyên Hải tại Văn bản số 10/CV.DHAI ngày 25/01/2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Siêu thị Co.opmart Duyên Hải” và Văn bản số 15/CV-DHAI ngày 12/3/2024 về việc hoàn chỉnh giấy phép môi trường của cơ sở “Siêu thị Co.opmark Duyên Hải” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Duyên Hải tại Tờ trình số 142/TTr-PTNMT ngày 18 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Chi nhánh liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Duyên Hải, địa chỉ: Khóm 1, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Siêu thị Co.opmart Duyên Hải” tại Khóm 1, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: “Siêu thị Co.opmart Duyên Hải”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khóm 1, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký Chi nhánh Hợp tác xã: 0301175691-045 đăng ký lần đầu ngày 26/7/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 14/12/2023.

1.4. Mã số thuế: 0301175691-045.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Siêu thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích: 9.362,8 m².

- Tổng vốn đầu tư: 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng)

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Duyên Hải

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Duyên Hải có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng

ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã, Ủy ban nhân dân Phường 1 nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày ~~19~~ tháng 3 năm 2024 đến ngày ~~18~~ tháng 3 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã, Ủy ban nhân dân Phường 1 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- CN LH HTX TM TP. HCM - Co.opmart Duyên Hải;
- Sở TNMT (b/c);
- BQL KKT tỉnh (đ/b);
- CT, các PCT. UBND thị xã;
- Công thông tin điện tử thị xã;
- Phòng TNMT thị xã (t/d);
- UBND xã Phường 1 (t/d);
- LĐVP, Khối KT;
- Lưu: VT, NC (Tc).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH /*1/2*



Nguyễn Văn Lánh





Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 04../GPMT-UBND
ngày 19 tháng 3 năm 2024 của UBND thị xã Duyn Hai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt;
- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà chế biến thực phẩm (khu vực nấu chín, khu chế biến và quây cá);
- Nguồn số 03: Nước thải từ gian hàng tươi sống, đông lạnh.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Công thoát nước công cộng trên đường Lý Thường Kiệt.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tọa độ vị trí xả nước thải: X=1065762, Y=609223 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰30', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức theo phao điện vào cống công cộng trên đường Lý Thường Kiệt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT, (cột B, hệ số K=1)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 – 9	02 lần/năm
2	BOD ₅	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
5	Sunfua	mg/l	4	

6	Phosphat	mg/l	10	
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
8	Amoni	mg/l	10	
9	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom:

- Nước thải từ các phân khu vệ sinh: Thu gom theo các tuyến ống đứng gồm DN65, DN100 vào 02 bể tự hoại (tổng thể tích 15m³) nhằm loại bỏ bớt lượng cặn, chất hữu cơ sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

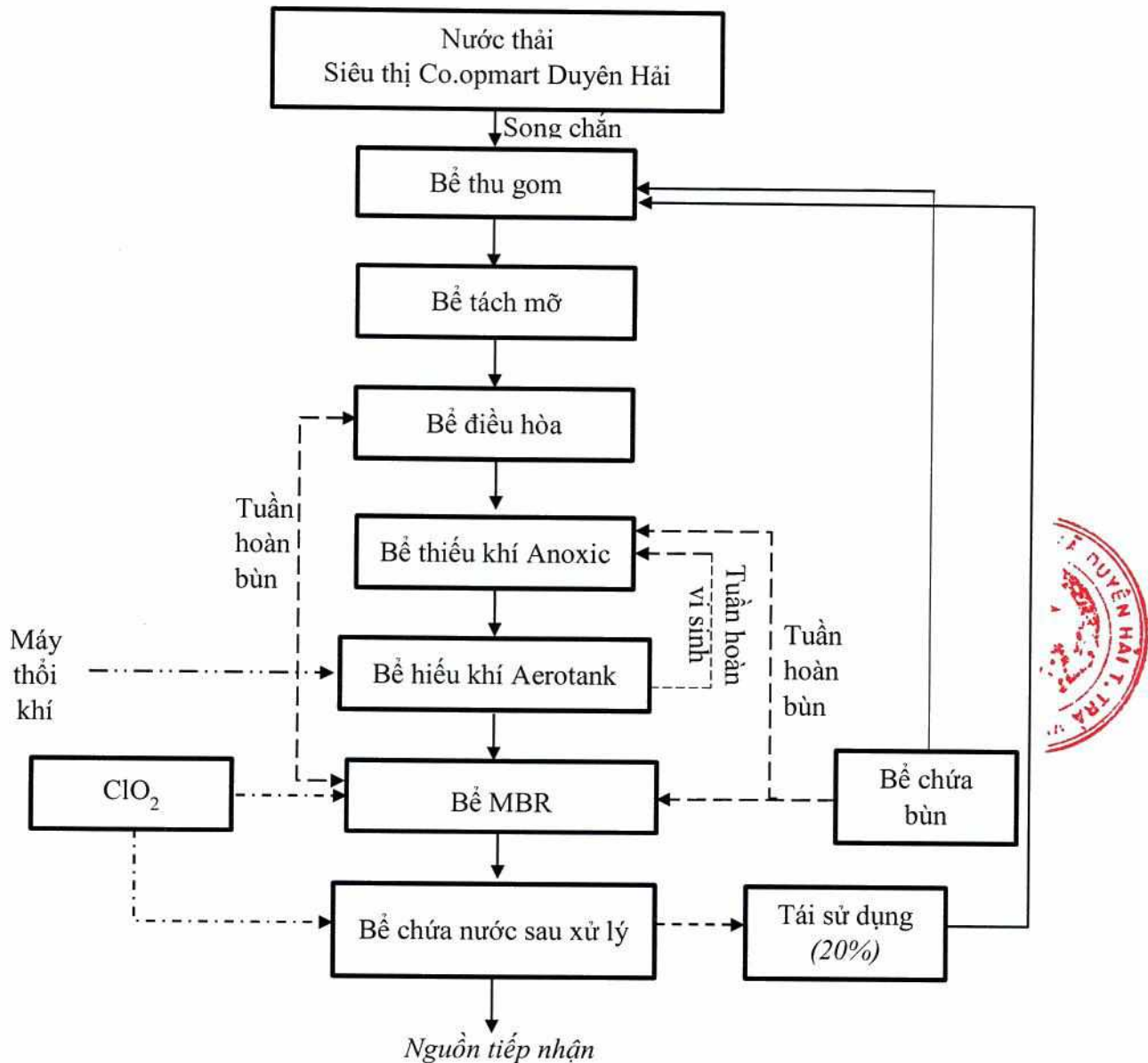
- Nước thải từ nhà chế biến thực phẩm, khu vực bếp, quầy cá: Thu gom về 03 bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ trước khi được thu gom về hệ thống thu gom nước thải chung.

- Nước thải từ gian hàng tươi sống, đông lạnh: Thu gom bằng tuyến ống PVC DN50 và DN65 sau đó chảy vào hố ga dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải vệ sinh khu tập kết chất thải sinh hoạt (nước thải sau khi được tái sử dụng): Thu gom về hệ thống xử lý nước thải chung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nguồn thu gom xử lý tại hệ thống xử lý nước thải chung công suất 50m³/ngày đêm của cơ sở với quy trình công nghệ cụ thể như sau:



QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1)

Chú thích:

- > Đường dẫn nước thải
- > Đường bùn
-> Đường hóa chất
- .-.-.-> Đường khí
- > Đường tái sử dụng

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí nhân viên trực và tuân thủ đúng quy trình vận hành. Có hướng dẫn phòng ngừa và ứng phó xảy ra sự cố;

- Hệ thống xử lý nước thải được xây cao hơn mặt sân nền không để nước mưa sân nền tràn vào làm tăng lưu lượng nước thải và có nắp thăm;

- Công tác vận hành HTXLNT phải được nhân viên vận hành thực hiện hàng ngày, kiểm tra tình trạng hoạt động của toàn bộ máy móc thiết bị và các bồn bể, ghi nhận các dấu hiệu bất thường và các sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và liên tục theo đúng quy trình xử lý.

- Đối với lỗi sự cố thiết bị (bơm nước thải, máy thổi khí...): Trang bị máy dự phòng để đảm bảo hệ thống xử lý nước thải vẫn vận hành bình thường trong thời gian đợi thiết bị hỏng hóc sửa chữa.

- Đối với lỗi sự cố do quá trình vận hành: Khi hệ thống xử lý gặp sự cố sẽ nhanh chóng xác định nguyên nhân, khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Thường xuyên kiểm tra, vận hành các công trình xử lý nước thải đảm bảo hoạt động ổn định, liên tục. Trường hợp các công trình xử lý nước thải xảy ra sự cố, cơ sở phải thu gom, lưu trữ lượng nước thải bằng thiết bị phù hợp, đủ dung lượng lưu chứa trong thời gian sửa chữa, khắc phục.



Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../ GPMT-UBND
ngày... tháng 3 năm 2024 của UBND thị xã Duyên Hải)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ các phương tiện ra vào cơ sở
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ các phương tiện ra vào cơ sở. Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}50'$, múi chiều 3° : X= 1065807; Y= 609195.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng. Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}50'$, múi chiều 3° : X= 1065772; Y= 609234.
- Địa giới hành chính điểm phát sinh tiếng ồn: Khóm 1, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày (khu vực thông thường)	Giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT (dBA)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Tiếng ồn chủ yếu phát sinh do va chạm và ma sát của các dụng cụ xe đẩy, tiếng ồn do những khách hàng trong cơ sở gây nên, để giảm thiểu những nguyên nhân phát sinh tiếng ồn này, cơ sở bố trí những bảng chỉ dẫn đến từng khu vực, lối đi giữa các quầy bán hàng rộng tránh các xe đẩy va chạm với nhau.
- Xây tường cách âm cho khu vực đặt máy phát điện, nhằm giảm tiếng ồn.
- Định kỳ kiểm tra bảo dưỡng cho các thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 02./GPMT-UBND
ngày 19 tháng 3 năm 2024 của UBND thị xã Duyên Hải)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Dự báo khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	20
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	5
3	Pin, ắc quy thải	Lỏng	16 01 12	5
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có các linh kiện điện tử (các loại bản mạch điện tử)	Rắn	16 01 13	23
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	20
6	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (composite...)	Rắn	18 01 04	29
7	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	1
Tổng số lượng			-	103

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh:

- Phế liệu (Bao bì nylon thừa, giấy carton bị loại bỏ): 6.000 kg/tháng;
- Váng dầu từ bể tách dầu của hệ thống xử lý nước thải: 17,5 kg/tháng;
- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: 2.520 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 420 kg/ngày từ hoạt động phục vụ khách hàng, ăn uống, gian hàng mua sắm bao gồm: bao nylon, chai nhựa, giấy vụn, thức ăn thừa,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Sử dụng bao bì, thùng chứa đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu vực lưu chứa: 03 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực tập kết chất thải nguy hại có nền bê tông cao ráo tránh nước mưa chảy tràn, bên trên có mái che tránh nước mưa, tránh nắng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho chứa: 30 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: khung thép, vách tole, mái tole, nền bê tông cao ráo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Cơ sở tự trang bị 10 thùng chứa rác sinh hoạt dung tích 20 lít tại khu vực bên trong cơ sở và 04 thùng 240 lít tại khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

2.2.2. Kho/Khu vực lưu chứa: Rác mỗi ngày được tập kết bố trí phía sau cơ sở, nền bê tông, có mái che tránh nước mưa, định kỳ chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Thực hiện đầy đủ các nội dung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường như: Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải; sự cố cháy nổ; phòng ngừa tai nạn lao động; phòng ngừa tai nạn giao thông,...



Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-UBND
ngày... tháng ... năm 2024 của UBND thị xã Duyên Hải)

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở.
3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm.
6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ đối với công nhân viên làm việc của cơ sở.
7. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
8. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

